



YẾU TỐ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Lan Hương¹

Tóm tắt: Văn hóa và môi trường đô thị phát triển gắn bó với nhau trong sự hình thành không thể một sớm một chiều... trong đó quá khứ luôn gắn liền với hiện tại, truyền thống kết hợp với hiện đại để môi trường sống trong đô thị phát triển bền vững. Một đô thị dù được phát triển phong phú và đa dạng đến đâu, thì mọi hoạt động diễn ra trong môi trường đô thị ấy cũng vẫn chịu sự quy định bởi những yếu tố văn hóa đặc thù của dân tộc đã tạo lập nên nó, vẫn mang trong mình bản sắc của nơi chốn sinh ra nó. Nói như vậy cũng có nghĩa rằng, môi trường đô thị Việt Nam cần mang bản sắc văn hóa Việt Nam.

Từ khóa: Đô thị; môi trường đô thị; bản sắc văn hóa; yếu tố văn hóa truyền thống.

Summary: The Cultural and Urban environment are closing and intertwining development together where the past always connect to the present, the traditional to combine with the modern for urban living environment stable development. Although the plentiful and diversity developed urban environment, then all activities taking place in that area are also subject to the regulation by the unique cultural of people who had created the environment. It means that the Vietnamese urban environment is always has a Vietnamese cultural characteristic.

Keywords: urban; urban environment; culture identity; traditional culture element.

Nhận ngày 21/2/2014, chỉnh sửa ngày 15/3/2014, chấp nhận đăng 30/5/2014



1. Đặt vấn đề

Không phải ngẫu nhiên mà ngày nay câu chuyện đi tìm biểu tượng văn hóa cho một quốc gia, một thành phố hay một khu đô thị nói chung đang trở thành mối quan tâm không chỉ ở Việt Nam mà của nhiều quốc gia trên thế giới, khi mà bản sắc văn hóa vẫn còn là một ý niệm vừa tường như dễ hiểu, vừa rất mong lung trong đại đa số chúng ta. Ý niệm này thường hay được xếp vào thế giới của vài người am hiểu văn hóa nghệ thuật, được bàn đến trong những khán phòng lịch lãm hay những buổi sinh hoạt văn hóa đặc biệt. Sự thực là, trong hành động và suy nghĩ hàng ngày, mọi người đều bộc lộ bản sắc văn hóa mà ít ai ý thức được. Chẳng hạn như cụ bà hát cho cháu nghe một bài hát ru, người nông dân lắng nghe tiếng sấm để quyết định thời điểm quan trọng của vụ mùa, rồi những đứa trẻ khắp khởi vui mừng được cha mẹ cho về quê ăn Tết, hay người hàng xóm chạy sang mang cho ta một bát chè... Như vậy, bản sắc văn hóa không phải là một lĩnh vực dành riêng cho giới nghiên cứu, mà là những gì rất thân quen xung quanh chúng ta. Chúng ta đang sống trong thời kỳ đô thị hóa với sự tăng vọt của thông tin, các loại máy móc, xe cơ giới, của bê tông sắt thép và ô nhiễm môi trường. Nhu cầu tìm đến một chốn êm ả, mang lại kỷ ức thân quen sau những vật lộn mệt mỏi của cuộc sống là nhu cầu rất tự nhiên của mỗi người khi mong muốn làm sống lại bản sắc văn hóa ở trong môi trường sống và trong mỗi cá nhân.

Nhìn vào lịch sử đô thị, văn hóa và môi trường đô thị phát triển gắn bó với nhau trong sự hình thành không thể một sớm một chiều. Nó luôn đòi hỏi quá trình diễn biến không ngừng của nhiều lĩnh vực đan xen như hạ tầng, kiến trúc, kinh tế, chính trị, luật pháp, xã hội... trong đó quá khứ luôn gắn liền với hiện tại, truyền thống kết hợp với hiện đại để môi trường sống trong đô thị phát triển bền vững. Tuy nhiên, một đô thị

¹ TS, Khoa Kiến trúc và Quy hoạch. Trường Đại học Xây dựng. E-mail: huongcsnt@gmail.com

dù được phát triển phong phú và đa dạng đến đâu, thì mọi hoạt động diễn ra trong môi trường đô thị ấy cũng vẫn chịu sự quy định bởi những yếu tố văn hóa đặc thù của dân tộc đã tạo lập nên nó, vẫn mang trong mình bản sắc của nơi chốn sinh ra nó. Nói như vậy, đô thị Việt Nam nhìn từ mọi góc độ vẫn luôn cần có bản sắc văn hóa Việt Nam.

Việt Nam ta có truyền thống văn hóa lâu đời, mang những nét đặc trưng của văn hóa nông nghiệp lúa nước. Trong quá trình phát triển, văn hóa Việt Nam đã có sự giao thoa, tiếp biến với những nền văn hóa bên ngoài như Trung Hoa, Ấn Độ, Pháp, Nga, Hoa Kỳ... và đã tiếp thu những giá trị tiến bộ từ những nền văn hóa đó, đồng thời vẫn giữ gìn và phát huy được bản sắc văn hóa của mình dựa trên nền tảng của những đặc trưng đó.

Theo GS.TS Lê Văn Quán (2007), văn hóa truyền thống Việt Nam mang những đặc điểm cơ bản của văn hóa truyền thống phương Đông :

- Cội nguồn văn hóa : là nền văn hóa gốc nông nghiệp lúa nước;
- Môi trường sống : xứ nóng (nhiều mưa), đồng bằng (âm thấp);
- Lối sống chủ yếu : trồng trọt, định cư, trọng tình, hướng nội, khép kín;
- Tư duy nhận thức : tổng hợp, biện chứng (trọng quan hệ), chủ quan, duy linh;
- Ứng xử với môi trường tự nhiên : thuận theo tự nhiên, hòa hợp với tự nhiên;
- Ứng xử với môi trường xã hội : nặng về cộng đồng, đề cao nghĩa vụ, trách nhiệm mềm dẻo, hiếu hòa, trọng tình, trọng đức;
- Tổ chức cộng đồng Việt Nam : linh hoạt, trọng tập thể, ý thức cộng đồng cao.

Trong khuôn khổ bài viết này, bằng việc sử dụng một số tư liệu tra cứu văn hóa, xã hội, đô thị học và tư liệu điền dã cá nhân trong phạm vi giới hạn là thành phố Hà Nội và sinh hoạt văn hóa truyền thống của người dân Bắc Bộ, tác giả xin đề cập đến hai đặc trưng văn hóa cơ bản có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành và phát triển của môi trường đô thị Việt, với mục đích đưa ra nhận thức một cách khoa học về yếu tố văn hóa cần thiết trong xây dựng môi trường đô thị. Đồng thời thông qua bài viết, tác giả nêu quan điểm cá nhân nên dần gian hóa và xã hội hóa hình thức biểu hiện nhận thức trên và mong muốn mỗi người có thể tự xây dựng môi trường sống tốt cho chính mình và những người xung quanh [1].



2. Yếu tố văn hóa truyền thống căn bản làm ảnh hưởng đến quá trình tổ chức xây dựng môi trường đô thị tại Việt Nam

2.1 Xây dựng môi trường tự nhiên của đô thị với đặc trưng hòa hợp với tự nhiên, thuận theo tự nhiên

Theo các chuyên gia về đô thị học, tự nhiên là bộ phận không tách rời, nó cấu thành không gian đô thị và định dạng hình thái đô thị. Đó không chỉ là các điều kiện địa hình, địa lý, khí hậu thuộc cấu trúc khách quan, tác động từ bên ngoài, mà quan trọng hơn, là các yếu tố chủ quan, do mong muốn, khả năng và nhu cầu của con người tác động vào tự nhiên.

Trong những năm gần đây, tốc độ đô thị hóa ở Việt Nam diễn ra ngày càng nhanh. Hệ thống đô thị không chỉ tăng về số lượng mà xu hướng liên kết giữa các đô thị để mở rộng phạm vi hoạt động, giải quyết những vấn đề phát triển kinh tế - xã hội cũng đang phát triển mạnh. Mật độ dân cư thay đổi theo chiều hướng tăng dần. Đất cho cây trồng, cho sinh hoạt cộng đồng ngày càng bị thu hẹp, trong khi rác thải ngày càng nhiều hơn và điều kiện xử lý rác thải lại xuống cấp... Tất cả những thay đổi không tự nhiên đó đã là nguyên do dẫn đến tình trạng môi trường sống của đô thị ngày càng suy thoái và bị ô nhiễm nghiêm trọng. Trong bối cảnh này, "trở về với tự nhiên" rõ ràng đang là vấn đề được quan tâm ở các đô thị Việt hiện nay [2].

Trong các xã hội nông nghiệp cổ truyền, hòa hợp với tự nhiên, thuận theo tự nhiên là một đặc trưng nổi bật của văn hóa truyền thống Việt. Đặc trưng này được định hình ngay từ những buổi đầu định cư của dân tộc Việt và được phát triển để trở thành một triết lý sống cùng với lịch sử dựng nước và giữ nước của chúng ta. Sự hòa hợp với tự nhiên ở người Việt được thể hiện ở các mức độ (Hình 1):

- Sống nương nhờ và thuận theo thiên nhiên, có ý thức hòa đồng với thiên nhiên, thậm chí tôn thờ thiên nhiên theo phương châm: Đất có thổ công, sông có hà bá.

- Cố gắng tận dụng tối đa và khai thác có giới hạn các nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có để phục vụ các nhu cầu ăn, mặc, ở, đi lại của con người.

- Ứng phó linh hoạt với những thay đổi của các điều kiện tự nhiên.

Cho dù ở mức độ nào thì tư tưởng sống hòa đồng với thiên nhiên, coi thiên nhiên là một yếu tố không tách rời với đời sống con người cũng vẫn là tư tưởng nền tảng, chi phối mọi hoạt động, tạo dựng nên đời sống xã hội của người Việt Nam, từ việc dựng nhà, dựng xóm làng, cho đến những sinh hoạt cá nhân của con người Việt Nam.



Hình 1. Tín ngưỡng thờ Mẫu trong sinh hoạt văn hóa dân gian của người dân Đồng bằng Bắc Bộ

Hòa hợp với tự nhiên, thuận theo tự nhiên không chỉ là yếu tố giúp cho hệ sinh thái đô thị cân bằng, cho con người gần gũi giao hòa được với thiên nhiên, mà còn là cơ sở để tạo dựng những hình ảnh riêng biệt cho đô thị. Trong lịch sử, nhờ tư tưởng nói trên được hun đúc từ kinh nghiệm sống mà cha ông ta đã sáng tạo ra đủ các kiểu loại nhà sàn - một biểu tượng văn hóa đặc sắc của dân tộc Việt Nam - thích hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, phù hợp với tính chất cư trú ven sông, ven biển, nơi có thể trồng được lúa nước. Cũng do nương theo tự nhiên, thuận theo tính chất cư trú ven sông, ven biển mà những chiếc thuyền độc mộc đã được ra đời. Có thể nói, chính tư tưởng hòa với thiên nhiên đã tạo dựng nên bản sắc rất riêng cho cuộc sống, văn hóa của người Việt xưa [3].

Ngoài việc khai thác những lợi thế thiên nhiên ban tặng thì việc sử dụng những nguyên tắc tạo hình truyền thống vốn được hình thành trên cơ sở của tư tưởng “hòa” với thiên nhiên - cũng là cách làm hiệu quả để làm nổi bật rõ hơn nét độc đáo của cảnh quan đô thị Việt Nam. Thực tế, tư tưởng “hòa” với thiên nhiên không chỉ đã tạo ra lối sống gần gũi giao hòa và gắn bó chặt chẽ với thiên nhiên của người Việt xưa (thể hiện rõ ở các công trình kiến trúc cổ như đình, đền, chùa... thường lẫn vào thiên nhiên, hòa hợp trong màu sắc, cảnh vật tự nhiên, chứ không đối chọi, thách thức, biệt lập) [4]; mà tư tưởng đó còn là cơ sở hình thành nên lối tạo hình và phương pháp tư duy thẩm mỹ rất đặc thù cho nghệ thuật tạo hình truyền thống Việt: diễn tả các hình tượng rất cụ thể nhưng lại mang màu sắc liên tưởng và diễn tả các hình tượng theo lối liên hoàn nhất quán và không bao giờ tách rời một hình tượng cụ thể ra khỏi tổng thể miêu tả, biểu hiện các hình tượng nghệ thuật theo nguyên lý “đối xứng - hài hòa”. Nếu như trong truyền thống, nhờ lối diễn tả và phương pháp tư duy thẩm mỹ đó, mà nghệ thuật tạo hình truyền thống Việt, dù được triển khai theo nhiều tuyến khác nhau, vẫn có thể phát triển liên tục, mang sắc thái đặc thù riêng cho nền nghệ thuật tạo hình truyền thống. Thì nay, trong tạo dựng cảnh quan đô thị, đặc biệt là trong thiết kế nghệ thuật công cộng đô thị, lối diễn tả và phương pháp tư duy thẩm mỹ của nghệ thuật tạo hình truyền thống này chính là chỗ dựa vững chắc để thể hiện nét đặc sắc trong cảnh quan đô thị của chúng ta [5]... Nói rộng hơn, nếu chúng ta coi đô thị là một tác phẩm nghệ thuật vĩ đại mang đặc tính vùng miền nó sinh ra, thì chúng ta sẽ có những quyết định và hành động ngay từ ban đầu không sai lạc (Hình 2).



Hình 2. Sinh hoạt trong lao động tập thể thời kỳ kinh tế tập trung ở miền Bắc - tranh Đi cấy đồng công (tranh dân gian Đông Hồ khoảng 1952 đến 1953)

Mặc dù đô thị Việt Nam hiện đang trên đà phát triển, song nhìn chung, vẫn còn mờ nhạt về bản sắc. Tạo lập bản sắc cho các đô thị Việt là một yêu cầu đặt ra trước đòi hỏi của quá trình đô thị hóa và toàn cầu hóa. Nơi chúng ta sinh sống sẽ ra sao khi nó được tạo dựng theo mô hình cải tạo thiên nhiên triệt để bằng những khối bê tông và thép cao chọc trời, khi màu xanh tự nhiên dần thay thế bằng các hệ thống bảng hiệu quảng cáo và các cột điện. Các bờ biển, sông, hồ, khu vườn sinh thái bị thu hẹp dần diện tích để dành chỗ cho những cảng chứa hàng, những đại siêu thị, đại quảng trường... Thiết nghĩ, hiện đại là nhân tố tất yếu trên con đường hội nhập, nhưng trong điều kiện tự nhiên và xã hội mà chúng ta đang tồn tại, thì yếu tố văn hóa truyền thống nói trên thực sự cần được nhìn nhận như là những yếu tố cơ sở, tiền đề của quá trình kiến thiết, phát triển đô thị. Bởi, hiện đại bao giờ cũng là sự kế thừa và phát triển nâng cao truyền thống.

Thực tế, sự xuất hiện ngày càng nhiều những đô thị nhang nhác giống nhau mọc lên ở khắp nơi trên đất nước ta cho thấy đã đến lúc cần phải thay đổi. Nhưng thay đổi thế nào và bắt đầu từ đâu? Đây là câu hỏi rất dễ trả lời bằng lời nói nhưng thực tế lại là chuyện khác. Để thay đổi cả hệ thống tư duy và hành động trong toàn bộ các cấp có thẩm quyền về quan niệm sự cần thiết của yếu tố văn hóa đặc thù trong môi trường tự nhiên đô thị là một quá trình cần nhiều thời gian và công sức. Tuy vậy, đã có nhiều nhà nghiên cứu văn hóa, kiến trúc sư, nhà mỹ thuật, nhiều những người dân bản địa đang hàng ngày âm thầm giữ gìn, xây dựng môi trường cảnh quan bằng tình yêu nơi chốn, bằng sự đóng góp công sức nhỏ bé của họ. Họ đã phần nào tác động vào trong lòng dân ý thức về ý nghĩa quan trọng của sự tồn tại cảnh quan truyền thống trong đô thị, về cái đẹp riêng biệt và lòng tự hào nơi chốn của mỗi người (Hình 3).



Hình 3. Con đường Gốm Sứ Hà Nội một biểu hiện văn hóa truyền thống trong hoạt động mỹ thuật công cộng

2.2 Xây dựng môi trường xã hội và môi trường nhân văn với đặc trưng hòa hợp với cộng đồng

Cũng như đặc trưng hòa hợp với tự nhiên, thuận theo tự nhiên, ý thức cộng đồng cao được hình thành ngay từ những buổi đầu định cư của dân tộc Việt.

Do nhu cầu liên hiệp lực lượng trong việc làm thủy lợi và lao động nông nghiệp lúa nước, cùng sự tồn tại dai dẳng của chế độ công xã thị tộc trong các xã hội nông nghiệp cổ truyền, ý thức cộng đồng đã trở thành một đặc trưng văn hóa trong các tổ chức làng xã của người Việt xưa.

Khác với các đô thị Phương Tây, đô thị Việt Nam thường không nảy sinh bằng con đường phát triển tự nhiên, tức không phải là hệ quả của sự phát triển tiểu thủ công nghiệp và thương mại, mà thường là do Nhà nước khai sinh. Bởi thế, nếu như ở Việt Nam, các đô thị do Nhà nước quản lý, thì ở Phương Tây, đô thị là tổ chức tự trị vững mạnh và có uy quyền (trái ngược với Việt Nam, làng xã mới là những tổ chức tự trị vững mạnh).

Do có sự khác biệt về nguồn cội của các đô thị, mà nếu như ở các đô thị Phương Tây, sự khác biệt về môi trường xã hội giữa đô thị và nông thôn không lớn lắm, thì ở các đô thị Việt, khoảng cách cách biệt này lại rất rộng [6].

Đối với người nông dân Việt xưa, cộng đồng - đặc biệt là cộng đồng làng - chính là nơi qui chiếu vững chắc về phương diện xã hội và tình cảm của họ. Cộng đồng luôn có những ảnh hưởng vô cùng mạnh đến đời sống của mỗi cá nhân thành viên. "Cộng đồng còn, mình còn; cộng đồng mất, mình mất hết tất cả". Ý thức sở thuộc cộng với ý thức tương trợ lẫn nhau của các thành viên trong cộng đồng thường mạnh mẽ đến mức được họ coi như một bổn phận xã hội thiêng liêng của mình. Mọi sự quan tâm, giúp đỡ nhau khi hoạn nạn, coi trọng tình làng nghĩa xóm "tối lửa tắt đèn có nhau"... đều được họ xem là những chuẩn mực đạo đức, là lẽ sống, là bổn phận của mỗi cá nhân thành viên cấu thành cộng đồng. Có thể nói, tính cộng

đồng với những biểu hiện cụ thể về sự đề cao tinh thần đoàn kết và cổ kết “Một cây làm chẳng nên non”; Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”, đã là một đặc điểm nổi bật trong quan hệ cá nhân với cá nhân và cá nhân với cộng đồng của các cộng đồng làng người Việt xưa [7]. Trong khi đó, ở đô thị Việt do nhà nước khai sinh thì mối quan hệ này lại hết sức lỏng lẻo. Dân số ở đô thị vốn tụ họp từ nhiều nơi đến, đó có thể là các phường buôn, các hội làm nghề, những người làm thuê đến từ nhiều xứ, các công chức, viên chức, công nhân... phần lớn trong số họ đều là những người tham gia công việc được trả lương, coi đó là phương tiện sinh sống. Mối quan hệ ràng buộc giữa các cá nhân với nhau và giữa cá nhân với cộng đồng ở đô thị, dường như rất ít có cơ sở để gắn bó. Tệ nạn xã hội cũng vì thế mà ngày một gia tăng. Chuẩn mực đạo đức của cha ông dường như không còn ý nghĩa. Cảnh con cái cha, hàng xóm láng giềng coi như không biết, hay cảnh người yếu bị ức hiếp giữa nơi công cộng mà không ai bênh vực, cảnh người bị nạn nằm trên đường nhưng người qua lại chỉ giương mắt nhìn... đã thành các câu chuyện cảnh báo về đạo đức xã hội trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng... Trong bối cảnh đó, “sự phục hồi ý thức cộng đồng, một ý thức về trật tự xã hội” rõ ràng là một vấn đề cấp thiết (Hình 4).



Hình 4. Hành động văn hóa: Giúp đỡ người già qua đường ở Hà Nội



Hình 5. Hành động bảo vệ môi trường của thanh niên tình nguyện: Nhóm Thế hệ xanh bảo vệ môi trường Hà Nội

Bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc, một trong những đường nét đặc trưng của đô thị Việt Nam, đương nhiên, cần được thể hiện một cách sâu sắc trong các thành tố tạo nên môi trường xã hội của đô thị. Ý thức về cộng đồng, lòng nhân ái, quý trọng đạo lý trong ứng xử giữa người với người là những nét văn hóa truyền thống tốt đẹp, rất cần được khai thác và phát huy. Tuy nhiên, ở đây, chúng ta cũng cần phải nhận thức được mặt tiêu cực của tính cộng đồng ở các làng xã Việt Nam xưa. Đó là lối sống tiểu nông cùng với những tập quán và thói quen lạc hậu, nảy sinh từ những mối quan hệ đan xen chằng chịt của các hội, các phường, các dòng họ... với sự đề cao quá mức tinh thần cộng đồng, có tác động xấu đến lối sống đô thị là tinh thần luật pháp. Việc đưa các tập quán chỉ ứng xử theo lệ chứ không theo luật kiểu “Phép vua thua lệ làng” vào môi trường xã hội đô thị sẽ là một thảm họa cho trật tự kỷ cương đô thị, trong khi cộng đồng đô thị mà chúng ta nói đến phải là cộng đồng được hình thành vì lợi ích chung trên cơ sở luật pháp. Nói cách khác, phát huy sức mạnh của cộng đồng đô thị trong môi trường xã hội đô thị phải được xây dựng trên cơ sở ý thức công dân, đó là ý thức của mỗi con người đang tự khẳng định mình như một cá nhân công dân tồn tại trong một xã hội dân sự. Xã hội dân sự ấy gắn bó với nhà nước pháp quyền như hình với bóng. Như thế, tính cộng đồng được phát huy ở các cộng đồng đô thị không hoàn toàn trùng khớp với tính cộng đồng đã từng tồn tại ở các cộng đồng làng người Việt xưa, khi mà ở đó, ý thức về cá nhân bị lấn át, bị hòa tan trong cộng đồng. Sự thực, tính cộng đồng mà chúng ta mong muốn ở các đô thị Việt hiện nay vừa có sự kế thừa và phát huy của truyền thống cộng đồng làng xã, vừa có sự phủ định, tước bỏ những hạn chế của nó (Hình 5).



Hình 6. Sinh hoạt văn hóa truyền thống tại nhà văn hóa Tỉnh Bắc Ninh

Một trong những yếu tố cần được kế thừa từ ý thức cộng đồng truyền thống, đó là tinh thần đoàn kết tương trợ lẫn nhau của các thành viên trong cộng đồng làng xưa.

Nhìn từ góc độ truyền thống, ý thức về cộng đồng của người nông dân - với tư cách là thành viên cấu thành cộng đồng - là luôn chú ý quan tâm đến những công việc công ích, tích cực đóng góp, không tính toán thiệt hơn trong xây dựng làng xã, hoàn thành các nghĩa vụ với làng như: làm thủy lợi, xây dựng các công trình công cộng, bảo vệ an ninh; đóng góp tiền bạc công sức tu bổ, xây dựng đình chùa miếu mạo, phục vụ thờ cúng thành hoàng làng... Trong tình hình quá trình đô thị hóa diễn ra quá nhanh và quản lý hành chính ở nước ta còn nhiều bất cập thì phát huy những yếu tố nói trên được xem như là một giải pháp tích cực. Thực tế của việc kế thừa và phát huy nét đẹp trong ý thức cộng đồng truyền thống chính là sự xuất hiện của các phong trào văn hóa xã hội ở các đô thị Việt Nam hiện nay như "Toàn dân đoàn kết"; "Xây dựng khu phố văn minh, gia đình văn hóa"; "Tổ dân phố văn hóa"... Những phong trào này đã thúc đẩy nhiều cá nhân thuộc nhiều tầng lớp xã hội khác nhau trong đô thị tích cực tham gia vào các sinh hoạt chung của cộng đồng và vì thế mối quan hệ giữa các cá nhân với cá nhân; cá nhân với cộng đồng ở đô thị phần nào đã được cải thiện. Không chỉ có vậy, các phong trào này cũng đã có những đóng góp thiết thực vào việc điều tiết những hành vi, những khuôn mẫu ứng xử của cư dân đô thị. Tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, nét đẹp trong lối sống truyền thống, cũng được phát huy bởi các quá trình xã hội hóa nói trên. Với việc phát huy truyền thống "lá lành đùm lá rách", "tương thân tương ái", nhiều hoạt động từ thiện đã được tổ chức tại các đô thị với nhiều hình thức khác nhau. Một bộ phận không nhỏ các doanh nhân thành đạt ở khu vực đô thị đã chủ động đứng ra đảm nhận một số công việc đáng khích lệ như: phụng dưỡng các bà mẹ Việt Nam anh hùng, nuôi dạy trẻ em khuyết tật, trẻ em không nơi nương tựa; phát triển các biện pháp nhằm cải thiện môi trường; ủng hộ, góp phần xây dựng các Hội người cao tuổi, tu bổ các trường học; lập các quỹ khuyến học... Có thể nói, nhờ sự kế thừa và phát huy được những nét đẹp trong ý thức cộng đồng truyền thống của dân tộc mà các đô thị Việt Nam bước đầu đã có được một số thành công nhất định trong việc xây dựng môi trường xã hội, môi trường nhân văn đô thị phù hợp với sự phát triển của xã hội Việt Nam (Hình 6).



3. Kết luận

Đô thị, xét ở một phương diện nào đó, là môi trường sống do con người tạo lập. Quá trình nhân tạo hóa trên phạm vi một lãnh thổ là đặc trưng chủ yếu của quá trình đô thị hóa, dựa trên các tiến bộ không chỉ về quy mô kiến thiết, tiện nghi vật chất mà còn về nhận thức và các kỹ năng sống. Cư dân đô thị không chỉ là sản phẩm của đô thị, mà còn là chủ thể của đô thị, chủ thể các hoạt động diễn ra trong khu vực đô thị. Với tư cách là chủ thể của sự phát triển, cá nhân không hành động riêng rẽ, mà hành động với tư cách là một bộ phận của tập thể, một thành viên cấu thành cộng đồng đô thị. Xét về thực chất, mối quan hệ giữa cư dân và đô thị là mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội - mối quan hệ biện chứng mà nền tảng là mối quan hệ lợi ích. Đô thị là điều kiện, là môi trường và là phương thức để mỗi cá nhân cư dân thực hiện lợi ích cho mình. Đô thị càng phát triển thì cá nhân càng có nhiều cơ hội và điều kiện để thỏa mãn những lợi ích vật chất và tinh thần của họ. Lúc này, mối liên kết giữa các cá nhân cư dân tạo thành một cộng đồng hòa hợp có tổ chức, có tự do, dân chủ, bình đẳng với nhau trong khuôn khổ pháp luật và có mối quan hệ hai chiều bền chặt thân thiết với môi trường sống là điều quan trọng, cần được sự tham gia nghiêm túc, đầy đủ của mọi thành viên trong cộng đồng. Vì vậy, trong việc xây dựng môi trường đô thị, kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống về cả hai mặt ứng xử với tự nhiên và ứng xử với cộng đồng là không thể thiếu.



Hình 7. Cảnh quan thiên nhiên được bảo tồn trong môi trường đô thị: ảnh Hồ Hoàn Kiếm (Hà Nội)

Xã hội loài người đã trải qua nhiều thời đại. Toàn bộ các thành tựu, các giá trị văn hóa và văn minh, vật chất và tinh thần trong không gian và thời gian, đều không tách rời các quá trình đô thị hóa. Đô thị hóa là quá trình tất yếu của sự phát triển xã hội, là thước đo trình độ phát triển văn minh và biểu hiện cách thức, mức độ tăng trưởng văn hóa của các xã hội qua các thời kỳ lịch sử khác nhau. Với tư cách là môi trường sống tiên bộ của xã hội loài người, cũng như văn hóa, việc xây dựng môi trường đô thị (về cả hai mặt tự

nhiên và xã hội) là một quá trình lâu dài và liên tục, gắn quá khứ với hiện tại, truyền thống với đổi mới, làm tăng trưởng bền vững môi trường sống.

Về mặt lý luận xã hội và cả các văn bản pháp luật đã rõ ràng, nhưng cho đến tận những năm gần đây, các cuộc bàn luận xung quanh vấn đề quy hoạch và xây dựng đô thị mới ở ta chẳng hiểu sao gần như không có sự xuất hiện của các nhà chuyên môn về văn hóa học, lịch sử học, mỹ thuật học, sinh thái học. Phải chăng theo như quan điểm của một số không ít những chuyên gia về kiến trúc, quy hoạch, xây dựng, thậm chí cả các nhà quản lý vẫn còn cho rằng sự tham gia của các khối ngành này là không thiết thực, trong khi trên thế giới, xu hướng khoa học xã hội và sinh học đã và đang dần thay thế vị trí đứng đầu của khoa học tự nhiên vì nó quá thuần lý trí mà thiếu hẳn tính nhân văn.

Ngày nay, đô thị Việt Nam đang có xu hướng bị cuốn đi theo cơn lốc của hội nhập trên nhiều lĩnh vực. Rất nhiều người đã để mọi luồng văn hóa, văn minh ngoại nhập xâm chiếm, tàn phá bản sắc truyền thống rất Việt Nam trong tâm hồn khiến họ nhìn xung quanh bằng con mắt kỳ thị và lạc lõng, nhưng trong số đó cũng không ít người đã nhìn nhận lại vấn đề. Họ lo lắng cho một sự biến đổi văn hóa tới mức làm mất bản sắc, cho thế hệ tương lai không còn biết đến tự hào dân tộc, đến lịch sử cha ông, đến hình ảnh đặc sắc của mỗi nơi chốn... họ đã âm thầm làm, bằng cách này hay cách khác để gìn giữ tính truyền thống cho môi trường đô thị. Đó là những bài viết, những cuộc nói chuyện ở mô hình tổ chức nhóm nhỏ, những nghiên cứu cá nhân về cái hay cái đẹp của văn hóa dân gian, làng nghề truyền thống, vị trí địa lý lịch sử vùng miền (Hình 7). Đó là những cá nhân vì không muốn Đất nước bị chảy máu văn hóa đã tự bỏ tiền ra mua các hiện vật văn hóa, lịch sử cổ, các tranh tượng nghệ thuật và trưng bày cho người dân cùng đến xem... Đơn giản hơn, có những cặp vợ chồng trẻ sau nhiều năm chìm đắm sinh hoạt văn hóa ngoại lai đã bừng tỉnh, nhận thức được giá trị quan trọng của văn hóa truyền thống trong việc giáo dục con người nên đã không quản ngại đường sá và công sức, cứ cuối tuần là đưa gia đình về quê để con cái được sinh hoạt trong không khí đại gia đình truyền thống... Tóm lại, nếu với tham vọng đưa ra được những đề xuất cho việc sử dụng, khai thác yếu tố truyền thống trong việc xây dựng môi trường đô thị thì tác giả cần một nghiên cứu đầy đủ, sâu sắc về xã hội học, đô thị học và văn hóa học. Nhưng trong khuôn khổ của một bài báo, tác giả chỉ xin nêu một số những biểu hiện xây dựng môi trường đô thị đã được làm với sự tự nguyện của người dân, thông qua đó muốn gợi ý rằng, để xây dựng môi trường đô thị mang tính truyền thống và nhân văn, các cấp chính quyền có thể bằng các văn bản mang tính pháp quy hoặc các hoạt động có quy mô có tổ chức, nhưng mỗi cá nhân, bằng cách của riêng mình đều có thể đóng góp xây dựng môi trường sống tốt hơn.

Việt Nam ta đã vượt qua đói nghèo và đang tiến đến sự hòa nhập với văn minh thế giới. Chúng ta sẽ là ai nếu như không có truyền thống, không có bản sắc của riêng mình. Điều này đòi hỏi sự tham gia đầy đủ của toàn xã hội, của các cấp quản lý, các nhà giáo dục, các nhà chuyên môn và các công dân. Để mọi người cùng hiểu sâu sắc rằng, những bước phát triển của quá trình đô thị hóa ở Việt Nam là những cố gắng đi đến hiện đại từ truyền thống. Trong các bước đi đó, yếu tố văn hóa truyền thống đặc thù của dân tộc Việt Nam nói chung và ở mỗi vùng miền nói riêng luôn là cơ sở để tạo dựng môi trường sống đô thị, tạo ra một bản sắc riêng cho các đô thị Việt Nam phù hợp với sự phát triển văn hóa của dân tộc. Khi ấy, mỗi chúng ta thực sự có thể tự hào nói rằng, Việt Nam có một Hà Nội thanh lịch hào hoa, một Huế mộng mơ, một Đà Nẵng chân tình hiếu khách, một Thành phố Hồ Chí Minh sôi động nhiệt tình.

Tài liệu tham khảo

1. Toàn Ánh (1991), *Phong tục Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Trần Lâm Biền (2000), *Một con đường tiếp cận lịch sử*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Trần Lâm Biền (2001), *Trang trí trong mỹ thuật truyền thống của người Việt*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
4. Trần Văn Cẩn, Nguyễn Đỗ Cung (1975), *Việt Nam điêu khắc dân gian*, NXB Ngoại Văn, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Cương (2002), *Mỹ thuật đình làng ở Đồng bằng Bắc Bộ - Một di sản văn hóa dân tộc đặc sắc*, Luận án tiến sĩ văn hóa nghệ thuật, Viện Văn hóa - Thông tin.
6. Phan Ngọc (1999), *Một cách tiếp cận văn hóa*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
7. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.